TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 39 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05/8/2025.
Về việc "Tranh chấp ly hôn (không công nhận quan hệ hôn nhân), nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Linh.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Thu Vân và ông Tô Văn Nhung.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 05/8/2025 tại Cơ sở 1, Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 206/2025/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con." theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2015/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu T, sinh ngày 13/12/1973; căn cước công dân số 0791.7303.2780 cấp ngày 12/9/2022; thường trú: Số B đường N, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 20/7/41 N, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); tạm trú: Số A khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Bị đơn: Ông Phùng Văn C, sinh ngày 12/9/1969; căn cước công dân số 0200.6900.1092 cấp ngày 11/4/2021; thường trú: Thôn C, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (nay là Thôn C, xã Y, tỉnh Lạng Sơn); tạm trú: 45/38 B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Phùng Văn C quen biết yêu thương nhau vào năm 2010, sau đó tiến đến hôn nhân, bà T và ông C không làm chứng nhận kết hôn. Bà T và ông C không tổ chức đám cưới, bên phía gia đình bà T cũng không biết phía gia đình ông C, vợ chồng về chung sống với nhau vào năm 2010. Khi đến với

nhau bản thân bà T có chồng nhưng đã ly hôn, ông C có vợ con riêng cũng ly hôn. Sau khi ở chung với nhau chúng tôi sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, cách làm ăn và cách nuôi dạy con dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2013. Tình cảm của bà T đối với ông C không còn, bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà và ông C.

Về con chung: Bà và ông C có 01 con chung tên Phùng Thị Cẩm L, sinh ngày 27/11/2012, khi con chung được 02 tháng tuổi bà T và ông C không sống chung với nhau nữa. Con chung ở với bà từ khi sinh cho đến tháng 4/2025, từ tháng 4/2025 thì tới nay buổi tối cháu L qua phòng trọ của ông C ngủ, ban ngày ở với bà và mẹ của bà (bà ngoại). Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Lý do bà T yêu cầu nuôi cháu L vì cháu L ở với bà từ nhỏ cho đến nay, cháu đang lứa tuổi dậy thì cần sự chăm sóc, chia sẻ của bà, ông C là đàn ông đang ở trọ sinh sống một mình sẽ bất tiện trong vấn đề chăm sóc, với lại nếu để ông C nuôi con chung. Ông C sẽ đưa cháu L về Lạng Sơn sinh sống điều kiện thăm nom con của bà không thực hiện được cũng như thay đổi môi trường đối với cháu L.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, bị đơn ông Phùng Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phùng Văn C thống nhất với phần trình bày của bà Trần Thị Thu T về thời gian chung sống, ông và bà T không làm chứng nhận kết hôn. Vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế gia đình, mâu thuẫn tình cảm giữa hai vợ chồng, ông và bà T sống ly thân khoảng tháng 1/2013. Nay ông đồng ý với yêu cầu của bà T, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên Phùng Thị Cẩm L, sinh ngày 27/11/2012, khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Vì ông chăm sóc cháu L tốt hơn, bà T thường la mắng con, không muốn cho con đi học. Nếu ông được nuôi cháu L ông sẽ đưa cháu về Lạng Sơn sinh sống cùng gia đình bên nội, điều kiện chăm sóc với cháu L có bạn bè nhiều so với hiện tại.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật về Tố tụng dân sự.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số

01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 các Điều 81, 82, 83, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Bà Trần Thị Thu T khởi kiện "Tranh chấp ly hôn (không công nhận quan hệ hôn nhân), nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tạm trú tại 4 B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện của bà T:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T và ông Phùng Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, bà T và ông C không làm chứng nhận kết hôn. Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thu T và ông Phùng Văn C không được pháp luật công nhận. Vì vậy yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thu T và ông Phùng Văn C là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà T và ông C có 01 con chung tên Phùng Thị Cẩm L, sinh ngày 27/11/2012. Xét, trình bày tại phiên Tòa của bà T, ông C thể hiện việc cháu L ở ổn định cùng bà T thời gian dài, thời gian gần đây cháu L ban ngày ở cùng bà T nhưng tối qua phòng trọ của ông C ở. Hiện cháu L đang là học sinh mới học xong lớp 7, cháu còn nhỏ đang lứa tuổi dạy thì. Do vậy, việc giao cháu L cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng thời gian này là phù hợp thực tế cũng như quy định tại các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trần Thị Thu T và ông Phùng Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

Khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thu T và ông Phùng Văn C

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phùng Thị Cẩm L, sinh ngày 27/11/2012 cho bà Trần Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Thu T và ông Phùng Văn C phải tạo điều kiện cho nhau trong việc chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con chung khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trần Thị Thu T và ông Phùng Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Trần Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà tâm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008160 ngày 25/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh..

Bà T, ông C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16;
- Phòng THA DS khu vực 16;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Linh